

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : English Skills in Business 1 - MH1105048

Mã lớp học phần: 25211MH110504801 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 30.1.2026 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.9

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA		10	Mười	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA		10	Mười	
3	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA		5.0	Năm không	
4	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA		10	Mười	
5	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA		5.0	Năm không	
6	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA		5.0	Năm không	
7	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA		7.0	Bảy không	
8	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA		10	Mười	
9	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA		8.0	Tám không	
10	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA		7.0	Bảy không	
11	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA		7.0	Bảy không	
12	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA		5.0	Năm không	
13	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA		7.0	Bảy không	
14	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA		10	Mười	
15	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA		6.0	Sáu không	
16	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA		8.0	Tám không	
17	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA		8.0	Tám không	
18	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA		7.0	Bảy không	
19	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA		7.0	Bảy không	
20	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA		10	Mười	
21	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA		8.0	Tám không	
22	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA		9.0	Chín không	
23	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA		8.0	Tám không	
24	2410130012	Đoàn Thị Cẩm	Tú	04/12/2006	C26TA		8.0	Tám không	
25	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn	Việt	04/09/2006	C26TA		7.0	Bảy không	
26	2410130005	Tê Hoàng Như	Ý	12/07/2006	C26TA		10	Mười	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 26 / 1 .

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Quang Cường

Ngày 3 tháng 2 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Ngọc Thu

TRƯỜNG
PHÒNG
VĂN BẢN



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : English Skills in Business 1 - MH1105048

Mã lớp học phần: 25211MH110504801 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 6.3.2026 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.9

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	<i>Đạt</i>	10	Mười	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	<i>Trung</i>	9.5	chín năm	
3	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	<i>Huy</i>	5.0	Năm không	
4	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA	<i>Huy</i>	9.0	chín không	
5	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA	<i>Hương</i>	5.0	Năm không	
6	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	<i>Hỷ</i>	5.0	Năm không	
7	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA	<i>Mỹ</i>	7.0	Bảy không	
8	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	<i>Ngọc</i>	10	Mười	
9	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA	<i>Nhân</i>	8.0	Tám không	
10	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA	<i>Oanh</i>	7.0	Bảy không	
11	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA	<i>Phúc</i>	7.0	Bảy không	
12	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	<i>Phượng</i>	5.0	Năm không	
13	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA	<i>Quỳnh</i>	8.0	Tám không	
14	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	<i>Thịnh</i>	10	Mười	
15	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA	<i>Thông</i>	6.0	Sáu không	
16	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	<i>Thu</i>	8.0	Tám không	
17	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA	<i>Thuận</i>	7.0	Bảy không	
18	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	<i>Thùy</i>	7.0	Bảy không	
19	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	<i>Thư</i>	6.0	Sáu không	
20	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA	<i>Thương</i>	8.0	Tám không	
21	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	<i>Tiên</i>	6.0	Sáu không	
22	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	<i>Trang</i>	8.0	Tám không	
23	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA	<i>Trân</i>	8.0	Tám không	
24	2410130012	Đoàn Thị Cẩm	Tú	04/12/2006	C26TA	<i>Tú</i>	8.0	Tám không	
25	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn	Việt	04/09/2006	C26TA	<i>Việt</i>	7.0	Bảy không	
26	2410130005	Tê Hoàng Như	Ý	12/07/2006	C26TA	<i>Ý</i>	8.0	Tám không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 26 / 1 .

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Quang Cường

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Ngọc Thu





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN
Hoc kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : English Skills in Business 1 - MH1105048
Mã lớp học phần: 25211MH110504801 Số tín chỉ: 4
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)
Ngày thi: 30.1.2026 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.9

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310130008	Lê Huỳnh Gia Bảo	11/08/2005	C25TA		7.0	Bảy không	
2	2310130016	Nguyễn Thái Duy	18/05/2005	C25TA		9.0	chín không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 2 vắng thi: 0 Số bài thi: 2 / 1

Ngày: 16 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

Ngày 3 tháng 2 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTĐN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : English Skills in Business 1 - MH1105048
Mã lớp học phần: 25211MH110504801 Số tín chỉ: 4
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)
Ngày thi: 6.3.2026 Giờ thi: 16 giờ Phòng thi: A1.9

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____
Giám thị 2: _____ Ký tên: _____
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310130008	Lê Huỳnh Gia Bảo	11/08/2005	C25TA		5.0	Năm Không	
2	2310130016	Nguyễn Thái Duy	18/05/2005	C25TA		6.0	Sáu Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 2 vắng thi: 0 Số bài thi: 2 / 1

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Cường

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : English Skills in Business 1 - MH1105048

Giám thị 1: Trần Thị Hoa

Ký tên:

Mã lớp học phần: 25211MH110504801 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: Cao Thế Oanh

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 31/03/2026

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310130008	Lê Huỳnh Gia Bảo	11/08/2005					C25TA	
2	2310130016	Nguyễn Thái Duy	18/05/2005					C25TA	
3	2410130011	Võ Nguyễn Minh Đạt	12/04/2006					C26TA	
4	2410130013	Trần Trung Hiếu	24/01/2006					C26TA	
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng Huy	15/12/2004					C26TA	
6	2410130033	Võ Khải Huy	22/07/2006					C26TA	
7	2410130025	Huỳnh Hương	19/03/2006					C26TA	
8	2410130021	Đặng Phụng Hỷ	03/07/2006					C26TA	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc Mỹ	02/06/2006					C26TA	
10	2410130034	Đặng Kim Ngọc	15/04/2006					C26TA	
11	2410130022	Tô Hồng Trí Nhân	22/07/2002					C26TA	
12	2410130018	Hồ Thị Kim Oanh	03/06/2005					C26TA	
13	2410130009	Phan Văn Trọng Phúc	20/5/2004					C26TA	
14	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim Phượng	26/08/2006					C26TA	
15	2410130004	Quách Kim Quỳnh	02/4/1999					C26TA	
16	2410130016	Lâm Quốc Thịnh	02/10/2006					C26TA	
17	2410130027	Võ Minh Thông	14/12/2002					C26TA	
18	2410130020	Hoàng Thị Thu	26/03/1996					C26TA	
19	2410130002	Trịnh Nam Thuận	08/3/2003					C26TA	
20	2410130028	Nguyễn Phương Thùy	06/01/2006					C26TA	
21	2410130006	Nguyễn Lê Minh Thư	08/08/2006					C26TA	
22	2410130001	Phạm Thu Thương	12/8/2005					C26TA	
23	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	27/12/2006					C26TA	
24	2410130003	Phạm Thị Thùy Trang	27/10/1980					C26TA	
25	2410130035	Trần Thị Quế Trân	07/01/2006					C26TA	
26	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006					C26TA	
27	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006					C26TA	
28	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006					C26TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 28 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 28 / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 13 tháng 4 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Cường^{1/1}

Ngày 14 tháng 4 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc⁵² Thu

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2025-2026

Môn học: English Skills in Business 1

Mã bài thi: RNV44L

Thời gian thi: 31/03/2026 09:30:00

Thời gian kết thúc: 31/03/2026 10:30:00

Giám thị 1: Trần Thị Hoa Ký tên: Trần Thị Hoa

Giám thị 2: Cao Thị Dung Ký tên: Cao Thị Dung

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310130008	Lê Huỳnh Gia Bảo	11/08/2005	<u>LB</u>	6.2	Sáu, hai	C25TA	
2	2410130011	Võ Nguyễn Minh Đạt	12/04/2006	<u>VD</u>	9.6	Chín, sáu	C26TA	
3	2310130016	Nguyễn Thái Duy	18/05/2005	<u>TD</u>	8.4	Tám, bốn	C25TA	
4	2410130013	Trần Trung Hiếu	24/01/2006	<u>TH</u>	9.8	Chín, tám	C26TA	
5	2410130025	Huỳnh Hương	19/03/2006	<u>HH</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TA	
6	2410130030	Trần Tâm Hoàng Huy	15/12/2004	<u>HH</u>	4.4	Bốn, bốn	C26TA	
7	2410130033	Võ Khải Huy	22/07/2006	<u>KH</u>	10	Mười	C26TA	
8	2410130021	Đặng Phụng Hỷ	03/07/2006	<u>HY</u>	8.8	Tám, tám	C26TA	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc Mỹ	02/06/2006	<u>DM</u>	9	Chín	C26TA	
10	2410130034	Đặng Kim Ngọc	15/04/2006	<u>KN</u>	9.6	Chín, sáu	C26TA	
11	2410130022	Tô Hồng Trí Nhân	22/07/2002	<u>TR</u>	8	Tám	C26TA	
12	2410130018	Hồ Thị Kim Oanh	03/06/2005	<u>OK</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TA	
13	2410130009	Phan Văn Trọng Phúc	20/05/2004	<u>VP</u>	7.8	Bảy, tám	C26TA	
14	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim Phượng	26/08/2006	<u>NP</u>	5.8	Năm, tám	C26TA	
15	2410130004	Quách Kim Quỳnh	02/04/1999	<u>QK</u>	8	Tám	C26TA	
16	2410130016	Lâm Quốc Thịnh	02/10/2006	<u>QT</u>	9.6	Chín, sáu	C26TA	
17	2410130027	Võ Minh Thông	14/12/2002	<u>MT</u>	7.2	Bảy, hai	C26TA	
18	2410130020	Hoàng Thị Thu	26/03/1996	<u>HT</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TA	
19	2410130006	Nguyễn Lê Minh Thư	08/08/2006	<u>NLT</u>	5.4	Năm, bốn	C26TA	
20	2410130002	Trịnh Nam Thuận	08/03/2003	<u>NT</u>	7.2	Bảy, hai	C26TA	
21	2410130001	Phạm Thu Thương	12/08/2005	<u>PT</u>	8.6	Tám, sáu	C26TA	
22	2410130028	Nguyễn Phương Thùy	06/01/2006	<u>NP</u>	6.4	Sáu, bốn	C26TA	
23	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	27/12/2006	<u>NT</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TA	
24	2410130035	Trần Thị Quế Trân	07/01/2006	<u>TT</u>	8.4	Tám, bốn	C26TA	
25	2410130003	Phạm Thị Thuỳ Trang	27/10/1980	<u>PT</u>	8.2	Tám, hai	C26TA	
26	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006	<u>DT</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TA	
27	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006	<u>PH</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TA	
28	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	<u>HN</u>	8.6	Tám, sáu	C26TA	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 28

Số sinh viên đạt: 28

Ngày 13 tháng 4 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Long

Ngày 4 tháng 4 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu